

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày 25-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Tím và ông Nguyễn Ngọc Tuy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2018, các Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/HSST-QĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 và số: 03/2019/HSST-QĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn M1, sinh năm 1981; nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Thôn P, xã B, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc Loan và bà Đinh Thị Phiến; có vợ là Trần Thị Huân và có hai con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại, có mặt.

2. Đồng Văn M2, sinh năm 1976; nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Thôn P, xã B, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn Tân và bà Tô Thị Liên; có vợ, nhưng đã ly hôn, có ba con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/3/2011, bị Công an huyện

Kim Thành, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, ngày 31/3/2011, đã chấp hành xong.

Bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kim Thành - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 19/9/2018 đến ngày 28/9/2018; hiện tại ngoại, có mặt.

3. **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1974; nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Thôn P, xã B, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Thắm và bà Hoàng Thị Dung; có vợ là Trần Thị Lan và hai con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kim Thành - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 19/9/2018 đến ngày 28/9/2018; hiện tại ngoại, có mặt.

4. **Đoàn Văn D**, sinh năm 1970; nơi sinh, nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi sinh sống: Thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn S và bà Nguyễn Thị Th; có vợ là Nguyễn Thị Ph và hai con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kim Thành - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 19/9/2018 đến ngày 28/9/2018; hiện tại ngoại, có mặt.

5. **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1986; nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H4 và bà Phạm Thị D; có vợ là Trần Thị H5 và hai con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kim Thành - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 19/9/2018 đến ngày 28/9/2018; hiện tại ngoại, có mặt.

6. **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1965; nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị H6; có vợ là Nguyễn Thị G và có ba con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kim Thành - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 19/9/2018 đến ngày 28/9/2018; hiện tại ngoại, có mặt.

7. **Nguyễn Công H3**, sinh năm 1991; nơi sinh, nơi đăng ký thường trú, nơi sinh sống: Thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công T và bà Trần Thị Nh; có vợ là Vũ Thị T và có hai con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo được tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Phạm Ngọc Quỳnh - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương, bào chữa cho bị cáo Đồng Văn M2; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn N (*tên gọi khác Nguyễn Văn Nh*), sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 18/9/2018, Nguyễn Văn H2, Bùi Văn M1, Nguyễn Công H3 và Đoàn Văn D đến nhà Nguyễn Văn Đ ở cùng thôn chơi. Trong lúc uống nước, Bùi Văn M1 đề xuất đánh bài bằng hình thức đánh liêng ăn tiền. H2, H3 và D đồng ý. Bùi Văn M1 hỏi mượn Đ một bộ bài tú lơ khơ để ở trên bàn thờ để đánh bạc. Đ đồng ý. Bùi Văn M1 lấy bộ bài, cùng H2, H3 và D ngồi đánh liêng dưới nền nhà tại phòng khách nhà Đ; Đ ngồi xem. Sau đó, H1 đến tham gia đánh bạc cùng. H1 đến tham gia được khoảng 5 phút thì H3 hết tiền, đi về trước, không chơi nữa. Đến khoảng 22 giờ 20 phút, cùng ngày, Đồng Văn M2 đến tham gia đánh bạc. Hình thức đánh liêng là sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia cho mỗi người chơi 03 quân. Quy định, mỗi người chơi đặt 10.000 đồng tiền "gà" ra chiếu bạc. Sau đó, người chơi tham gia "tố", tức là đặt thêm tiền, mỗi lần đặt không quá 100.000 đồng, "tố" không quá ba lần. Người chơi sẽ bỏ ra số tiền tương ứng để theo, nếu ai không theo thì úp bài xuống (*tự nhận thua*). Những người còn lại, so sánh quân bài với nhau để xác định người thắng. Giá trị cao nhất là "sáp", gồm 03 quân bài cùng giá trị. Sau đó là "liêng", gồm 03 quân bài có giá trị liên tiếp, sau cùng là cộng 03 quân bài so điểm. Người thắng sẽ được toàn bộ số tiền "gà" và tiền "tố" của những người chơi.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi H2, D, H1, Bùi Văn M1 và Đồng Văn M2 đang đánh bạc thì bị Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kết hợp với Công an xã B phát hiện bắt quả tang; lợi dụng sơ hở, Bùi Văn M1 bỏ chạy thoát. Vật chứng thu giữ, gồm 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, thu giữ tại chiếu bạc 9.180.000 đồng, thu giữ trên người các đối tượng đánh bạc 7.350.000 đồng. Ngày 09/10/2018 và ngày 11/10/2018, Bùi Văn M1 và Nguyễn

Công H3 đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành khai báo về hành vi nêu trên.

Các bị cáo khai nhận, khi tham gia đánh bạc các bị cáo có và sử dụng số tiền để đánh bạc là: H2 có 260.000 đồng; Bùi Văn M1 có 300.000 đồng (*khi bỏ chạy đã để lại toàn bộ số tiền tại chiếu bạc*); H3 có 150.000 đồng (*đang chơi thì thua hết tiền nên về trước*); D có 1.490.000 đồng, H1 có 2.650.000 đồng; Đồng Văn M2 có 3.500.000 đồng, đã vay của D 200.000 đồng để đánh trước, còn số tiền 3.500.000 đồng vẫn cất trong người.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 80/VKSKT-HS ngày 26/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2, Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công H3 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2, Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công H3 phạm tội Đánh bạc. Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17 và 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tất cả các bị cáo. Áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đồng Văn M2. Áp dụng khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2 và Nguyễn Văn H1. Áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình đối với các bị cáo Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn Đ. Áp dụng Điều 35 của Bộ luật Hình đối với bị cáo Nguyễn Công H3. Xử phạt các bị cáo Bùi Văn M1 và Đồng Văn M2, mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 10 tháng đến 13 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 20 tháng đến 26 tháng. Giao các bị cáo được hưởng án treo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn D từ 24 tháng đến 27 tháng cải tạo không giam giữ, (*được trừ 09 ngày tạm giữ, tính bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ*). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 từ 20 tháng đến 23 tháng cải tạo không giam giữ, (*được trừ 09 ngày tạm giữ, tính bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ*). Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 21 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, (*được trừ 09 ngày tạm giữ, tính bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ*). Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ, sung quỹ Nhà nước. Giao các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong

thời gian cải tạo không giam giữ. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Công H3 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, sung quỹ Nhà nước. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Phạt tiền các bị cáo Bùi Văn M1, Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn Đ, mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, sung quỹ Nhà nước. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 16.520.000 đồng. Tịch thu cho tiêu huỷ 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2, Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công H3 khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 21 giờ đến 22 giờ 30 phút ngày 18/9/2018, tại nhà ở của Nguyễn Văn Đ ở thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương; các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2, Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Công H3 có hành vi đánh bạc trái phép, bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Theo lời khai của các bị cáo thì tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc ít hơn số tiền Cơ quan điều tra đã thu giữ (16.520.000 đồng). Khi bắt quả tang chiếu bạc, các bị cáo xác nhận không có đối tượng nào khác bỏ thêm tiền vào chiếu bạc. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự chung về số tiền sử dụng đánh bạc đã thu giữ là 16.520.000 đồng. Riêng bị cáo H3 tham gia đánh bạc và dừng chơi từ trước khi bị cáo Đồng Văn M2 đến tham gia đánh bạc nên bị cáo H3 phải chịu trách nhiệm với số tiền đánh bạc là 13.020.000 đồng. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị lớn là trái pháp luật. Nhưng do động cơ sát phạt nhau, không muốn lao động để tạo ra của cải, vật

chất cho bản thân, các bị cáo đã tụ tập, lôi cuốn nhau đánh bạc bằng hình thức đánh liêng để tước đoạt tài sản, tiền bạc của nhau. Bị cáo Đ không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng cho các bị cáo mượn bộ bài để đánh bạc và đồng ý để các bị cáo đánh bạc tại nhà nên phải chịu trách nhiệm đồng phạm cùng các bị cáo khác về tội đánh bạc. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2, Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công H3 phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo về tội phạm trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến trật tự công cộng, làm mất trật tự trị an xã hội, đây cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật khác. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi cố ý đã gây ra và phải chịu một hình phạt theo quy định của Bộ luật Hình sự.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm. Để có mức án tương xứng với hành vi và lỗi của các bị cáo, Toà án phân tích đánh giá vai trò của các bị cáo như sau: Các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2, Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Công H3 đều là người thực hành. Bị cáo Bùi Văn M1, Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2 tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt; bị cáo Nguyễn Công H3 tham gia đánh bạc từ đầu nhưng dừng đánh bạc trước; bị cáo Nguyễn Văn H1 vào tham gia đánh bạc sau; bị cáo Đồng Văn M2 tham gia đánh bạc sau cùng. Theo các bị cáo khai, bị cáo Bùi Văn M1 sử dụng 300.000 đồng và là người khởi xướng đánh bạc; bị cáo Đồng Văn M2 sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất 3.700.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn H1 sử dụng 2.650.000 đồng; bị cáo D sử dụng 1.450.000 đồng; bị cáo H2 sử dụng 260.000 đồng; bị cáo H3 sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất 150.000 đồng. Vì vậy, bị cáo Bùi Văn M1 giữ vai trò thứ nhất, giữ vai trò tiếp theo là bị cáo Đồng Văn M2, tiếp đến là bị cáo H1, bị cáo D, bị cáo H2, sau cùng là bị cáo H3. Đối với bị cáo Đ không trực tiếp tham gia đánh bạc, nhưng đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại địa điểm do bị cáo quản lý và cho mượn công cụ đánh bạc là bộ bài tú lơ khơ 52 quân nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai chưa chính xác với số tiền đánh bạc bị thu giữ, nhưng đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đồng Văn M2 có bố đẻ là người có công với Nhà nước, được công nhận là Thương binh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo

không phải chịu tình tiết tăng nặng. Về nhân thân: Ngày 15/3/2011, bị cáo Đồng Văn M2 bị Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, bị cáo đã chấp hành xong quyết định và được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính từ ngày 31/3/2012, theo quy định tại Điều 7 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[6] Xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2 và Nguyễn Văn H1 mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tiền án, tiền sự, có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Vì vậy, Tòa án áp dụng khoản 1 và 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật.

[7] Đối với các bị cáo Đoàn Văn D và Nguyễn Văn H2 giữ vai trò sau trong vụ án; bị cáo Nguyễn Văn Đ giữ vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ án, bị cáo Đ vì mối quan hệ quen biết, là người cùng thôn, xóm với các bị cáo khác nên đã đồng ý cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà, việc đồng ý cho đánh bạc không vì mục đích lợi nhuận, không thu lợi. Các bị cáo D, H2 và Đ có nơi thường trú cụ thể rõ ràng nên không cần thiết phải buộc các bị cáo cách ly khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội. Hàng tháng khấu trừ thu nhập 10% của các bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

[8] Đối với bị cáo Nguyễn Công H3 giữ vai trò cuối trong vụ án, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tiền án, tiền sự, có nơi thường trú cụ thể rõ ràng nên không cần thiết phải buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Ngoài việc áp dụng hình phạt về nhân thân đối với các bị cáo, Tòa án còn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2, Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn D và Nguyễn Văn H2 theo quy định tại và khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Đ không trực tiếp đánh bạc, việc bị cáo cho các bị cáo khác đánh bạc tại nhà không vì lợi nhuận nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về các biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, các bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy. Đối với số tiền 16.520.000 đồng là khoản tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[11] Về án phí: Các bị cáo bị kết luận phạm tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Đối với bị cáo Đồng Văn M2 thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với tất cả các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, Điều 17 và Điều 58, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với tất cả các bị cáo.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đồng Văn M2.

Căn cứ vào khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2 và Nguyễn Văn H1.

Căn cứ vào Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn Đ.

Căn cứ vào Điều 35 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Công H3.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2, Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn D và Nguyễn Văn H2.

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2, Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công H3 phạm tội Đánh bạc.

2. Xử phạt:

2.1- Bị cáo Bùi Văn M1 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.2- Bị cáo Đồng Văn M2 12 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.3- Bị cáo Nguyễn Văn H1 10 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2 và Nguyễn Văn H1 cho UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2.4- Bị cáo Đoàn Văn D 27 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ (*tính bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ*); bị cáo còn phải chấp hành 26 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Đoàn Văn D trong thời gian cải tạo không giam giữ, sung quỹ Nhà nước.

2.5- Bị cáo Nguyễn Văn H2 24 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ (*tính bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ*); bị cáo còn phải chấp hành 23 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Văn H2 trong thời gian cải tạo không giam giữ, sung quỹ Nhà nước.

2.6- Bị cáo Nguyễn Văn Đ 21 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ (*tính bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ*); bị cáo còn phải chấp hành 20 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ, thời gian tính từ ngày UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Văn Đ trong thời gian cải tạo không giam giữ, sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn Đ cho UBND xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2.7- Phạt tiền bị cáo Nguyễn Công H3 30.000.000 đồng nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền các bị cáo Bùi Văn M1, Đồng Văn M2, Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn D và Nguyễn Văn H2, mỗi bị cáo 15.000.000 đồng, nộp vào Ngân sách Nhà nước.

4. Về các biện pháp tư pháp:

Tịch thu cho sung quỹ Nhà nước số tiền 16.520.000 đồng.

Tịch thu cho tiêu huỷ bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, đã niêm phong.

(Vật chứng và số tiền do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương quản lý, có đặc điểm theo như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 03/12/2018, giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Bùi Văn M1, Nguyễn Văn H1, Đoàn Văn D, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công H3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đồng Văn M2.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn